

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi.

Bà Nguyễn Hải Âu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Thu Th, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nghĩa B, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Quách Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Nghĩa B chung sống năm 1976, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông B thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh đập, hành hạ bà nhiều lần. Đến năm 2018 mâu thuẫn ngày càng lớn hơn nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà với ông B có 5 con chung tên Nguyễn Kim Đang, sinh năm 1977; Nguyễn Kim Thoa, sinh năm 1980; Nguyễn Văn Giới, sinh năm 1983; Nguyễn Kim Hương, sinh năm 1985; Nguyễn Thị X, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

+ Diện tích đất 13.640m², trong diện tích đất này đã chuyển nhượng thửa 234 cho ông Nguyễn Huy H nhưng ông B vẫn còn đứng tên quyền sử dụng.

+ Diện tích đất 8.570m², trong diện tích đất này cho con gái là chị Nguyễn Thị X 02 công nhưng ông B vẫn còn đứng tên quyền sử dụng.

Phần đất còn lại sau khi chuyển nhượng cho ông H và tặng cho chị X do ông B đang quản lý, sử dụng.

+ 01 căn nhà cấp 4, nền gạch, vách tường, mái lợp tôn, xây dựng trên diện tích đất 13.640m², trị giá khoảng 150.000.000 đồng, hiện nay do ông B quản lý.

Khi ly hôn bà với ông B tự thỏa thuận phân chia các tài sản trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ông Nguyễn Nghĩa B trình bày: Ông và bà Th kết hôn năm 1976 và sinh được 5 người con như bà Th trình bày. Quá trình chung sống ông có đánh vợ 1 lần cách nay 12 năm do bà Th bỏ nhà đi nơi khác làm ăn, tham gia đánh bạc bằng nhiều hình thức, ông khuyên nhưng không nghe. Gần đây bà Th vu khống ông đánh bà rồi bỏ nhà đi, sống ly thân với ông.

Về tài sản chung: Vợ chồng được Nhà nước cấp diện tích đất 13.640m² và nhận chuyển nhượng của người khác 8.570m². Gia đình hợp thống nhất phân chia cho ông, bà Th, người con trai, mỗi người là 4.000m², 2 người con gái, mỗi người là 2.000m². Căn nhà thì cho con trai ở. Còn diện tích đất ông cho con gái, sau đó chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy H.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng 82 triệu đồng.

- Ông Nguyễn Huy H trình bày: Ngày 21/02/2012 ông có nhận chuyển nhượng diện tích đất 4.962m² của ông B và bà Th với giá 42 chỉ vàng 24k nhưng hiện nay ông B vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất. Các bên có làm hợp đồng chuyển nhượng, được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Do ông không còn liên quan trong vụ án này nên xin từ chối tham gia giải quyết vụ án.

- Chị Nguyễn Thị X trình bày: Năm 2017 chị được cha mẹ là ông B, bà Th cho 2.000m² đất và đang cất nhà ở trên phần đất này. Hiện tại chị với cha, mẹ chị không tranh chấp với nhau đối với diện tích đất này nên chị không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa cha mẹ chị. Do vậy chị xin từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Mặc dù ông B và bà Th chung sống không có đăng ký kết hôn nhưng pháp luật quy định nam, nữ chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông B thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng, cự cãi, thậm chí đánh nhau, hiện tại ông B và bà Th sống ly thân. Từ những mâu thuẫn mà ông, bà trình bày, cùng với việc ông B vắng mặt tại các lần Tòa án mời hòa giải, xét xử cho thấy, ông B cũng không mong muốn được đoàn tụ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được ly hôn với ông B là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Ông B, bà Th đều xác định các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông, bà xác định có diện tích đất và nhà ở chung nhưng đã tự phân chia, đồng thời ông, bà cũng không tranh chấp đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy H và diện tích đất cho các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ: bà Th xác định không có nợ chung, còn ông H cho rằng có nợ Ngân hàng 82.000.000đ nhưng không khai rõ Ngân hàng nào và yêu cầu thế nào, mặc dù nhiều lần Tòa án mời làm việc để làm rõ. Do vậy trường hợp có phát sinh tranh chấp nợ chung thì ông B hoặc Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Do bà Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, được Tòa án chấp nhận nên bà không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu Th, cho bà Quách Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Nghĩa B.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Quách Thu Th được miễn án phí hôn nhân gia đình.

Bà Th có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B, ông H, chị X có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh